

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hướng dẫn xử lý một số nội dung liên quan  
đến đất lâm nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật  
sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 30 tháng  
11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác  
quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thu hồi từ các công ty nông, lâm nghiệp;  
Nông, lâm trường giao về cho địa phương quản lý, sử dụng giai đoạn 2015 -  
2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại  
Tờ trình số 128/TTr-SNN ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Công văn số 2273/SNN-  
KL ngày 22 tháng 9 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hướng dẫn xử lý một số nội dung liên quan đến đất lâm nghiệp và  
quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

**1. Đối với diện tích đất lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê, hiện do  
địa phương quản lý**

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, thực hiện theo phương án, kế  
hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- Phương án sử dụng đất theo quy định tại Điều 8 Thông tư số  
07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 quy định việc lập phương án  
sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác  
định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng  
đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông,

lâm nghiệp; Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 40 Luật Đất đai năm 2013; Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng (*đối với diện tích đất có rừng*) theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

b) Các hành vi vi phạm về lấn, chiếm đất lâm nghiệp; lấn, chiếm rừng và phá rừng trái pháp luật.

- Xử lý hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại các Khoản 3, 5, 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ và các Điều 7, 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Xử lý trách nhiệm dân sự (*bồi thường thiệt hại đối với hành vi phá rừng trái pháp luật*) theo Bộ Luật Dân sự năm 2015 và xử lý trách nhiệm hình sự theo Bộ Luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), (*nếu có*).

- Xử lý hành vi lấn, chiếm rừng theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

**2. Đối với diện tích đất lâm nghiệp đang thuộc các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang và các chủ rừng là tổ chức khác (trừ Doanh nghiệp tư nhân)**

a) Đơn vị chủ rừng xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo quy định tại Điều 27 Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các Điều 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

b) Các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Nhà nước xây dựng, thực hiện theo phương án sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt, theo quy định tại Điều 6 và Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp.

c) Đối với các hành vi vi phạm về lấn, chiếm đất lâm nghiệp và phá rừng trái pháp luật: Các đơn vị chủ rừng báo cáo và phối hợp cơ quan chức năng xử lý theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

### **3. Đối với diện tích đất lâm nghiệp thuộc các Doanh nghiệp thuê đất, thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh**

a) Chủ dự án xây dựng, hoàn thiện hồ sơ thuê rừng theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được cấp thẩm quyền phê duyệt theo Điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Đối với các hành vi vi phạm về lấn, chiếm đất lâm nghiệp và phá rừng trái pháp luật: Chủ dự án báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng xử lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

### **4. Đối với diện tích giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ**

a) Trường hợp bên nhận giao khoán thực hiện đúng theo quy định

- Trên cơ sở thỏa thuận của các bên, đơn vị chủ rừng hoàn thiện hồ sơ, điều chỉnh hợp đồng đảm bảo đúng quy định hiện hành, tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết; đảm bảo phù hợp theo phương án quản lý rừng bền vững, phương án sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp đơn vị chủ rừng hiện tại không phải là bên đã ký hợp đồng với bên nhận khoán (*đối với diện tích có nguồn gốc thu hồi từ Công ty nông, lâm nghiệp giải thể*): Đơn vị chủ rừng phối hợp với Hội đồng giải thể Công ty nông, lâm nghiệp, thanh lý hoặc hủy bỏ hợp đồng cũ theo quy định của pháp luật; sau đó ký hợp đồng mới, đảm bảo tiếp tục thực hiện việc giao khoán phù hợp theo phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp bên nhận giao khoán thực hiện không đúng theo quy định, tự ý chuyển nhượng hợp đồng: Đơn vị chủ rừng thực hiện hủy bỏ hợp đồng hoặc phối hợp với Hội đồng giải thể các Công ty nông, lâm nghiệp rà soát những hồ sơ còn tồn đọng, thanh lý hoặc hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật (*đối với diện tích có nguồn gốc thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp giải thể*); sau đó đưa vào phương án quản lý rừng bền vững, phương án sử dụng đất theo Điểm a, b, Khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp diện tích đã thu hồi, giao địa phương quản lý: Hội đồng giải thể các Công ty nông, lâm nghiệp phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát những hồ sơ còn tồn đọng, thanh lý hoặc hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật, bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện rà soát, đưa vào phương án, kế hoạch theo điểm a, khoản 1 Điều này để quản lý, bố trí sử dụng.

### **5. Đối với diện tích thực hiện liên doanh liên kết**

a) Trường hợp hợp đồng liên doanh liên kết thực hiện đúng theo quy định:

- Trên cơ sở thỏa thuận của các bên, đơn vị chủ rừng hoàn thiện hồ sơ, điều chỉnh hợp đồng đảm bảo đúng quy định hiện hành, tiếp tục thực hiện theo



hợp đồng đã ký kết; đảm bảo phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững, phương án sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp đơn vị chủ rừng hiện tại không phải là bên đã ký hợp đồng liên doanh liên kết (*đối với diện tích có nguồn gốc thu hồi từ Công ty nông, lâm nghiệp giải thể*): Đơn vị chủ rừng phối hợp với Hội đồng giải thể Công ty nông, lâm nghiệp, thanh lý hoặc hủy bỏ hợp đồng cũ theo quy định của pháp luật; sau đó ký hợp đồng mới, đảm bảo tiếp tục thực hiện hợp đồng liên doanh liên kết phù hợp phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp hợp đồng liên doanh liên kết thực hiện không đúng theo quy định, bên liên doanh liên kết tự ý chuyển nhượng hợp đồng: Đơn vị chủ rừng thực hiện hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật hoặc phối hợp với Hội đồng giải thể các Công ty nông, lâm nghiệp rà soát những hồ sơ còn tồn đọng, thanh lý hoặc hủy bỏ hợp đồng theo quy định của pháp luật (*đối với diện tích có nguồn gốc thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp giải thể*); sau đó đưa vào phương án quản lý rừng bền vững, phương án sử dụng đất theo Điểm a, b, Khoản 2 Điều này.

c) Trường hợp diện tích đã thu hồi, giao địa phương quản lý: Thực hiện theo Điểm c Khoản 4 Điều này.

## **6. Đối với diện tích đất lâm nghiệp giao (hoặc cho thuê) cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý**

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đã được giao, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và thực hiện đóng góp đầy đủ các khoản thuế, lệ phí (nếu có), thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

b) Trường hợp giao sai đối tượng (*hoặc tạm giao*): Ủy ban nhân dân cấp huyện lập thủ tục thu hồi hoặc hủy bỏ Quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*hoặc quyết định tạm giao*), thu hồi diện tích đất trên thực địa, đưa vào phương án, kế hoạch theo điểm a, khoản 1 Điều này để quản lý, bố trí sử dụng.

c) Trường hợp diện tích đất rừng đã giao, cho thuê, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, nhưng hiện nay rừng đã bị mất, người dân đang sử dụng sai mục đích (*trồng các loại cây nông, công nghiệp khác*), hoặc sang nhượng, lấn, chiếm, đất trái phép: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập thủ tục thu hồi hoặc hủy bỏ Quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*hoặc quyết định tạm giao*), đưa vào phương án, kế hoạch thực hiện theo điểm a, khoản 1 Điều này để quản lý, bố trí sử dụng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Nhà nước, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo chức



năng nhiệm vụ, căn cứ quy định pháp luật triển khai, thực hiện nội dung Quyết định này và các nhiệm vụ liên quan tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng nhiệm vụ, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc lập phương án, kế hoạch theo quy định tại Quyết định này, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý các vấn đề liên quan theo quy định pháp luật.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Phương án giải quyết các tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Điều 1 Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- BCS đảng UBND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD 2337;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thi).

17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**